

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 26/2020/DS-ST

Ngày: 05-5-2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.
2. Bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Mai Thị H, sinh năm: 1963; có mặt.

Địa chỉ: ấp MB, xã NM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1986; có mặt.

Địa chỉ: ấp MB, xã NM, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

Do mối quan hệ cùng xóm nên ngày 13/10/2016, bà có cho anh Nguyễn Hữu T vay số tiền 90.000.000 đồng, không tính lãi; có làm biên nhận do anh T trực tiếp viết, ký và ghi họ tên, thỏa thuận thời hạn trong vòng 1 năm trả trước 50.000.000 đồng; số còn lại 40.000.000 đồng sẽ trả dần trong những tháng tiếp theo. Sau khi vay, anh T không trả nợ đúng như thỏa thuận nên khoảng tháng 6/2018 tức tháng 7/2018dl, bà làm đơn khởi kiện đến Ban nhân dân ấp MB, xã NM, huyện C, tỉnh An Giang; tại buổi hòa giải của Ban ấp, bà đồng ý cho anh T tiếp tục trả nợ như đã thỏa thuận khi vay và sau đó anh T có trả được mỗi tháng 4.000.000 đồng x 10

tháng = 40.000.000 đồng thì ngưng và vẫn còn nợ vốn gốc là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải có nghĩa vụ trả dứt số tiền vay còn nợ vốn gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo luật định từ ngày 13/10/2017 (tức ngày hết thời hạn 01 năm kể từ ngày vay) đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày: vào ngày 13/10/2016, anh có vay của bà H số tiền là 90.000.000 đồng và thỏa thuận sẽ hoàn trả đúng như bà H trình bày; nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh đã không trả nợ như thỏa thuận khi đến hạn. Sau khi bà H khởi kiện anh vào tháng 07/2018 đến Ban nhân dân ấp MB, xã NM, huyện C, tỉnh An Giang thì anh có trả vốn được 10 tháng x 4.000.000 đồng/tháng = 40.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế tiếp tục gặp khó khăn nên anh đã ngưng trả cho đến nay vẫn còn nợ vốn gốc là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh yêu cầu Tòa án xem xét cho anh được trả tiếp 10.000.000 đồng, số còn lại 40.000.000 đồng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, còn lãi phát sinh thì không đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Mai Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp MB, xã NM, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung:

Bà Mai Thị H trình bày vào ngày 13/10/2016, bà có cho anh Nguyễn Hữu T vay số tiền là 90.000.000 đồng, không tính lãi, thỏa thuận thời hạn trong vòng 1 năm trả trước 50.000.000 đồng, số còn lại sẽ trả dần trong những tháng tiếp theo; tuy nhiên khi đến hạn anh T không trả đúng như thỏa thuận nên khoảng tháng 7/2018 bà khởi kiện đến Ban nhân dân ấp MB để yêu cầu anh T trả nợ và anh T có trả nhiều lần được 40.000.000 đồng thì tiếp tục ngưng cho đến nay; vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả dứt số tiền còn nợ vốn gốc là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đã thừa nhận có vay tiền, có trả vốn gốc và hiện vẫn còn

nợ bà H số tiền là 50.000.000 đồng như bà H trình bày. Như vậy, đây là sự việc được đương sự thừa nhận thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu trả nợ gốc và yêu cầu tính lãi phát sinh của bà H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 nên được Tòa án chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin được trả tiếp 10.000.000 đồng, số còn lại 40.000.000 đồng được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, còn lãi phát sinh thì không đồng ý trả của anh T do không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Tòa án xem xét chấp nhận.

Về số tiền lãi phát sinh thì theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được tính cụ thể như sau: từ ngày 13/10/2017 đến ngày 05/5/2020 là 30 tháng, 22 ngày x 50.000.000 đồng x 9%/12 tháng x 150% = 17.288.000.000 đồng.

Như vậy, tổng vốn và lãi anh T phải có nghĩa vụ trả cho bà H là 67.288.000 đồng (*sáu mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ là: 67.288.000 đồng x 5% = 3.364.000 đồng (*ba triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*). Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008098 ngày 21/2/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 92; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005;
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Mai Thị H. Buộc bị đơn là anh Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền cả vốn lẫn lãi là 67.288.000 đồng (*sáu mươi bảy triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng*). Trong đó vốn gốc là 50.000.000 đồng và lãi là 17.288.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: anh Nguyễn Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 3.364.000 đồng (*ba triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*). Bà Mai Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008098 ngày 21/2/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án.

Lê Hữu Nghĩa